

Bản án số: 04 /2023/KDTM-PT

Ngày: 04 / 5 / 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng đại lý

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Hữu Sỹ

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 01/2023/TLPT-KDTM ngày 11/01/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng đại lý”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2022/KDTM-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 740/2023/QĐ-PT ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn S; Địa chỉ: 182A Đ, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Hoài P - Giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Quốc K (Giấy uỷ quyền số 03/2020-UQ/GQTC ngày 25/4/2020 của Công ty TNHH S). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: 38 T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Quốc H (Giấy uỷ quyền ngày 14/5/2020, số công chứng 1588, quyền số 05/2020TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng K). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Thành T và luật sư Vũ Xuân H - Công ty luật TNHH Đ; địa chỉ: 85 M, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Tại phiên tòa có mặt luật sư Phạm Thành T, vắng mặt luật sư Vũ Xuân H.

3. *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thị T (bị đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S trình bày:** Ngày 24/4/2019 Công ty S và bà Nguyễn Thị T có ký kết hợp đồng đại lý, theo nội dung của hợp đồng: - Bà Nguyễn Thị T là chủ đại lý H làm đại lý cho một số sản phẩm sơn của Công ty với hình thức đại lý bao tiêu, mua đứt bán đoạn; - Công ty không có nghĩa vụ thu hồi lại sản phẩm của mình trong bất kỳ trường hợp nào trừ trường hợp sản phẩm bị lỗi. – Bà Nguyễn Thị T sẽ được khuyến mãi hỗ trợ lương cho nhân viên kinh doanh nếu đạt doanh số cũng như thanh toán công nợ đúng thời hạn.

Từ khi ký hợp đồng đến nay Công ty có chi trước cho bà T số tiền chi trả cho nhân viên kinh doanh là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc bà Nguyễn Thị T trả lại hàng trong kho và đề nghị chấm dứt hợp đồng. Công ty không đồng ý với các yêu cầu và đề nghị của bà Nguyễn Thị T. Mặt khác trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã không hoàn thành chỉ tiêu đã cam kết cũng như vi phạm về thời hạn thanh toán công nợ, ... Tính đến nay bà T còn nợ Công ty S số tiền là: 343.572.374 đồng, số tiền này đã được bà T xác định công nợ.

Tại đơn khởi kiện, Công ty S yêu cầu bà Nguyễn Thị T thanh toán công nợ còn lại cho Công ty số tiền 343.572.374 đồng và lãi chậm trả; Buộc trả lại cho Công ty số tiền hỗ trợ nhân viên kinh doanh là 40.000.000đ. Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền hỗ trợ nhân viên kinh doanh 40.000.000đ, chỉ yêu cầu buộc bà T thanh toán cho Công ty S là 343.572.374 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Sau khi trả đủ tiền thì công ty S sẽ xuất hoá đơn theo quy định.

- **Bị đơn, bà Nguyễn Thị T (do ông Nguyễn Quốc H đại diện theo ủy quyền) trình bày:** Đầu năm 2019, Đại lý H có hợp tác với công ty TNHH S và phía công ty đã gửi sơn ra cho Đại lý để triển khai và phát triển thị trường. Trong quá trình triển khai bán sản phẩm phía H đã cố gắng hết sức để phát triển sản phẩm cho Công ty S nhưng do nhiều lý do nên sản phẩm không tiêu thụ được, cụ thể: Hàng hoá công ty gửi ra không xuất hoá đơn đồ VAT mặc dù đã yêu cầu rất nhiều lần. Trên lon sơn chỉ ghi ngày sản xuất không ghi hạn sử dụng (đây là sai quy định, đặc biệt đây là ngành hoá chất), quy định hạn sử dụng ngành sơn kềm là 24 tháng. Đại lý H có gửi bảo hành 626 lon cứng bị chết đang còn hạn sử dụng nhưng không cấp lại thì 626 lon sơn màu cũng không thể bán được vì nó là loại sơn 2 thành phần. Như vậy, công ty S đang gây khó khăn cho chính đối tác của mình. Mặt khác các sản phẩm bị lỗi, hỏng khác công ty S cũng không chịu thu hồi, bảo hành cho khách hàng. Công ty mở chi nhánh tại Quảng Bình không thông qua đại lý H mà bán sản phẩm vào khách hàng của đại lý đang bán. Qua nhiều lần trao đổi những lý do trên với phía Công ty S và được sự đồng thuận giữa hai bên về việc dừng hợp tác thông qua tin nhắn Zalo, đại lý cho thu hồi toàn bộ sản phẩm đang ký gửi tại các cửa hàng để hai bên tất toán công nợ hàng hoá ký gửi giữa Đại lý và Công ty nhưng công ty lại bội tín lại những thoả thuận đó. Qua các lần phát thông báo của Đại lý đã được sự đồng thuận của phía Công ty về việc kiểm kê và nhận lại hàng. Cụ thể trả lời thông báo ngày 23/3/2020 và ngày 15/4/2020. Nên ngày 05/3/2020 cửa hàng H có gửi vào trước cho Công ty S những kiện hàng nguyên tổng số là

306 kiện, tổng giá trị là 244.966.000đ. Sau đó cửa hàng H đề nghị công ty S qua kho để kiểm kê số lượng hàng hoá còn lại để bàn giao lại cho công ty vì mặt hàng kinh doanh là hoá chất, nếu để lâu, lần lữa mãi hàng hoá sẽ mất phẩm cấp, cũng như để tất toán công nợ giữa hai bên cho xong nhưng đến ngày 27/3/2020 mới có nhân viên đến kiểm kê hàng hoá tại kho, nhưng không ký vào biên bản kiểm kê.

Đại lý H không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 02/6/2020 có đơn phản tố với các nội dung:

(1) Yêu cầu phía Công ty TNHH S thanh toán thêm một tháng lương cho nhân viên kinh doanh số tiền 8.000.000 đồng mà đại lý H đã trả cho nhân viên. Nhưng tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn đã xin rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu này.

(2) Yêu cầu công ty S chứng minh công nợ trên cơ sở đối chiếu hoá đơn bán hàng và số tiền đại lý H đã thanh toán trước cho Công ty S (dựa trên Hợp đồng đại lý, Công ty TNHH S đã xuất hàng cho đại lý H để chào hàng, giới thiệu sản phẩm, phát triển thương hiệu sơn cho công ty S).

(3) Yêu cầu Công ty S phải thu hồi sản phẩm của mình và tất toán cho đại lý H, vì: cho người chen vào hệ thống khách hàng của địa lý (hành động mua tranh, bán cướp với chính đại lý của công ty); đã thu hồi 626 lon cứng mà không cấp lại nên 626 lon sơn màu cùng không thể bán được; các sản phẩm bị lỗi, hỏng, không có hạn sử dụng. Yêu cầu Công ty S còn phải trả lại cho đại lý H số tiền **259.688.000đ** mà đại lý H đã chuyển khoản thanh toán trước tiền hàng cho chị P (TGD công ty S).

(4) Đề nghị làm rõ bản chất công nợ giữa người mua và bán đúng theo quy định của pháp luật về quan hệ dân sự, mua bán giữa hai đơn vị. Công ty chưa bao giờ xuất hoá đơn nên đây là quan hệ ký gửi.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2022/KDTM-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã Quyết định:

Áp dụng các điều 35, 39, 40, 147 và Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 168, 169, 176, 177, 292, 306 và Điều 317 Luật Thương mại. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí, xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S: Bà Nguyễn Thị T còn nợ Công ty TNHH S số tiền tính hết ngày 29/11/2022 là: 431.183.329 đồng (trong đó: tiền mua hàng còn nợ 343.572.375 đồng và nợ lãi 87.610.954 đồng).*

2. *Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền thuê nhân viên thị trường 40.000.000 đồng.*

3. *Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền trả lương cho nhân viên thị trường 8.000.000 đồng.*

4. *Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền đối trừ 626 lon sơn là 35.369.000đ, cần đối trừ số tiền này vào số tiền mà bà T còn nợ Công ty S.*

5. *Không chấp nhận các yêu cầu phản tố còn lại của bị đơn.*

Như vậy, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Công ty S số tiền tính hết ngày 29/11/2022 là: 395.814.329 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; quyền thỏa thuận thi hành án; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/12/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên một phần bản án đối với việc buộc Công ty S cần trả số tiền 35.369.000 đồng tương ứng với số tiền của 626 lon sơn cứng 2TP; sửa một phần bản án còn lại theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bác đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thống nhất trình bày: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn để sửa án sơ thẩm, tuyên bố Hợp đồng vô hiệu vì quá trình ký kết hợp đồng các bên không thực hiện đúng quy định của luật thương mại; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm: Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố hợp đồng đại lý được ký kết giữa Công ty TNHH S với bà Nguyễn Thị T là vô hiệu do vi phạm pháp luật; xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo đúng quy định của pháp luật; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: bị đơn kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngày 29/11/2022 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Ngày 13/12/2022 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhận được đơn kháng cáo bản án của bị đơn bà Nguyễn Thị T; bị đơn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng trong thời hạn. Như vậy kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T là hợp lệ theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi ký hợp đồng đại lý thì Công ty TNHH S đã tiến hành giao cho bà Nguyễn Thị T nhiều mặt hàng và bà T cũng đã bán cho khách hàng và đã chuyển tiền thanh toán cho Công ty TNHH S nhiều lần. Do quá trình thực hiện hợp đồng xảy ra mâu thuẫn nên ngày 12/3/2020 bà Nguyễn Thị T đã có văn bản thông báo cho Công ty TNHH S về số tiền mà bà T còn nợ Công ty TNHH S đến ngày 12/3/2020 là 343.572.374 đồng, nhưng số hàng còn tồn trong kho trị giá hơn 600.000.000 đồng, nên bà T yêu cầu Công ty TNHH S nhận lại hàng để chốt công nợ giữa hai bên. Căn cứ vào thông báo này nên Công ty TNHH S đã khởi kiện cho rằng hai bên ký kết hợp đồng đại lý với hình thức “bao tiêu”, mua đứt, bán đoạn, nên Công ty TNHH S không có nghĩa vụ

nhận lại hàng từ bà T, đồng thời yêu cầu bà T phải trả lại số nợ mà chính bà T đã nhận nợ với Công ty là 343.572.374 đồng. Bà Thương không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S và yêu cầu Công ty phải nhận lại số hàng còn tồn kho và trả lại cho bà T số tiền mà bà chuyển trả tiền hàng trước là 259.688.000 đồng vì lỗi để hàng tồn kho không bán được thuộc về Công ty TNHH S.

[3] Xét khi giao kết hợp đồng đại lý giữa Công ty S với bà Nguyễn Thị T thì các bên đều xác định ký kết và thực hiện hợp đồng là vì mục đích lợi nhuận và tuân thủ hình thức ký kết hợp đồng bằng văn bản theo quy định tại Điều 168 Luật Thương mại năm 2005.

Xét về chủ thể ký kết hợp đồng thì thấy rằng: Bên A (Công ty TNHH S) giao cho bên B (Đại lý H - do bà Nguyễn Thị T đại diện) làm đại lý bao tiêu cho bên A các sản phẩm *Tero 1k* mang nhãn hiệu *T paint*.

Tuy nhiên, tại Điều 167 Luật thương mại năm 2005 quy định về Bên giao đại lý, bên đại lý như sau: “1. Bên giao đại lý là thương nhân giao hàng hóa cho đại lý bán hoặc giao tiền mua hàng cho đại lý mua hoặc là thương nhân ủy quyền thực hiện dịch vụ cho đại lý cung ứng dịch vụ; 2. bên đại lý là thương nhân nhận hàng hóa để làm đại lý bán, nhận tiền mua hàng để làm đại lý mua hoặc là bên nhận ủy quyền cung ứng dịch vụ.

Điều 6 Luật thương mại năm 2005 quy định về Thương nhân như sau: “1. Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh”.

Điều 7 Luật thương mại năm 2005 quy định nghĩa vụ đăng ký kinh doanh của thương nhân như sau: *Thương nhân có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp chưa đăng ký kinh doanh, thương nhân vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật.*

Theo xác nhận của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Đồng Hới thì trong danh sách đăng ký Hộ kinh doanh đối với Cửa hàng H không có tên bà Nguyễn Thị T (chủ hộ kinh doanh Cửa hàng H do ông Nguyễn Quốc H làm chủ hộ). Như vậy, việc ký kết hợp đồng đại lý được thực hiện giữa một bên là Doanh nghiệp (Công ty TNHH S) và một bên là cá nhân bà Nguyễn Thị T (không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; không phải là thương nhân). Nên việc ký kết hợp đồng đại lý giữa Công ty TNHH S và bà Nguyễn Thị T là trái với quy định tại các điều 6, 7, 167 Luật Thương mại 2005, là vi phạm pháp luật về chủ thể ký kết hợp đồng.

Điều 123 Bộ luật dân sự quy định: “*Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu*”.

Mặt khác, trong trường hợp nếu cho rằng Công ty TNHH S chỉ ký kết hợp đồng với cửa hàng H mà không ký kết với bà Nguyễn Thị T thì chủ cửa hàng H - ông Nguyễn Quốc H cũng không ủy quyền cho bà T thực hiện việc ký kết hợp đồng, nên bà T cũng không có quyền đại diện cho cửa hàng H để xác lập, thực hiện, và các bên cũng phải chịu hậu quả theo quy định tại Điều 142 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ các nội dung đã được phân tích ở trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định tính hiệu lực của hợp đồng đại lý giữa Công ty TNHH S và bà Nguyễn Thị T, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S để xử buộc bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho Công ty TNHH S số tiền 395.814.329 đồng là không đúng quy định. Trong trường hợp này Tòa án phải tuyên bố hợp đồng đại lý giữa hai bên là vô hiệu.

[4] Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. *Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập*; 2. *Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả....* 4. *Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường*”.

Xét thấy trong vụ án này cả hai bên đều có lỗi như nhau nên không phải bồi thường thiệt hại cho nhau. Theo quy định thì lẽ ra phải buộc bà T giao trả lại cho Công ty TNHH S toàn bộ các mặt hàng đã nhận và buộc Công ty TNHH S phải hoàn trả lại cho bà T toàn bộ số tiền mà bà đã chuyển trả cho Công ty TNHH S. Tuy nhiên, do hiện tại cả hai bên không chứng minh (hoặc xuất trình tài liệu để chứng minh) tổng số hàng và tiền đã giao nhận và thanh toán cho nhau từ khi ký hợp đồng đến ngày 11/3/2020 là bao nhiêu. Vì trên thực tế thì Công ty TNHH S đã giao cho bà T nhiều mặt hàng, giao nhiều lần; bà T đã nhận hàng và đã bán cho khách hàng để tiêu thụ sản phẩm và cũng đã chuyển trả tiền cho Công ty TNHH S nhiều lần, nên không chứng minh được khoản tiền nào là để thanh toán cho mặt hàng nào, và cũng không thu hồi được các sản phẩm đã bán cho khách hàng để trả lại. Do đó, Tòa án không có căn cứ để xem xét buộc các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận từ khi ký hợp đồng đến trước ngày 12/3/2020.

Căn cứ vào nội dung khởi kiện thì Công ty TNHH S dựa vào nội dung hợp đồng để xác định các khoản nợ tiền hàng (đã nhận hàng nhưng chưa trả tiền), theo đó Công ty TNHH S không chấp nhận cho bà T trả lại hàng mà yêu cầu trả bằng tiền 343.572.374 đồng vì hàng đã nhận không được trả lại. Còn bà T lại yêu cầu Công ty TNHH S phải nhận lại hàng vì lỗi để hàng tồn đọng là do Công ty TNHH S tạo ra; số hàng mà bà T yêu cầu trả lại trị giá còn cao hơn số tiền nợ mà Công ty S yêu cầu Bà trả nợ.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2022 (do Tòa án tiến hành) thì hiện trong kho của bà T còn tồn các loại sơn như sau: *Sơn Tero 0,8lít các màu = 1.146 lon; Sơn Tero 3lít các màu = 92 lon; Sơn Owen 2 thành phần 0,8lít các màu = 1.574 lon; Lon cứng 2 thành phần sơn Owen 250g = 858 lon; Sơn Owen 1 thành phần các màu 0,8lít = 393 lon; Sơn Kaka 1 thành phần 0,7 lít các màu = 36 lon; Sơn Tero 0,4 lít các màu = 653 lon.*

Giá các loại sơn mà hai bên đã ký kết theo bà T cung cấp như sau: *Sơn Tero 0,8lít các màu giá 75.000 đồng/lon; Sơn Tero 3lít các màu giá 219.000 đồng/lon; Sơn Owen 2 thành phần 0,8lít các màu giá 113.000 đồng/lon; Lon cứng 2 thành phần sơn Owen 250g giá 56.500 đồng/lon; Sơn Owen 1 thành phần các màu 0,8lít giá 62.000 đồng/lon; Sơn Kaka 1 thành phần 0, lít các màu giá 48.000 đồng/lon;*

Sơn Tero 0,4 lít các màu giá 40.000 đồng/lon. Tổng trị giá các loại sơn còn tồn ở bà T là 385.957.000 đồng.

Như vậy, qua đối chiếu số lượng hàng còn tồn trong kho với giá mà các bên đã thỏa thuận thì thấy số lượng thùng sơn còn tồn trị giá cao hơn số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả (chưa tính lãi). Do đó, buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm giao trả lại toàn bộ số Sơn mà bà đã nhận từ Công ty TNHH S và không có nghĩa vụ phải thanh toán thêm tiền mặt cho Công ty TNHH S. Công ty TNHH S nhận lại số thùng Sơn từ bà T và cũng không phải thanh toán thêm khoản nào cho bà T.

[5] Từ các nội dung đã phân tích ở trên cũng cho thấy yêu cầu phản tố của bà T buộc Công ty TNHH S trả lại cho bà 259.688.000 đồng tiền hàng đã chuyển trước là không có cơ sở để chấp nhận, vì bà T không chứng minh được số tiền này bà đã chuyển khoản để trả nợ cho lô hàng nào trong quá trình nhận hàng của Công ty TNHH S.

[6] Về án phí: kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu bị đơn trả nợ 343.572.374 đồng nhưng không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn trả lại số tiền 259.688.000 đồng nhưng không được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 293, 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 123, 131, 142 Bộ luật dân sự 2015; các điều 6, 7 và 167 Luật Thương mại 2005; khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2022/KDTM-ST ngày 29/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng đại lý” của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình như sau:

Xác định hợp đồng đại lý số: 01/2019/HĐKT ngày 24/4/2019 giữa Công ty TNHH S với bà Nguyễn Thị T là vô hiệu.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải thanh toán tiền hàng còn nợ 343.572.374 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc buộc Công ty TNHH S phải trả lại số tiền 259.688.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty TNHH S toàn bộ các loại sơn còn tồn đọng tại kho của bà T, cụ thể như sau:

Sơn Tero 0,8lít các màu = 1.146 lon; Sơn Tero 3lít các màu = 92 lon; Sơn Owen 2 thành phần 0,8lít các màu = 1.574 lon; Lon cứng 2 thành phần sơn Owen 250g = 858 lon; Sơn Owen 1 thành phần các màu 0,8lít = 393 lon; Sơn Kaka 1 thành phần 0,7 lít các màu = 36 lon; Sơn Tero 0,4 lít các màu = 653 lon.

4. Về án phí:

- Nguyên đơn, Công ty TNHH S phải chịu 17.178.618 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 9.589.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0006432 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Số tiền án phí mà Công ty TNHH S còn phải nộp là 7.589.618 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm. Nhưng phải chịu 12.984.400 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.692.000 tiền tạm ứng án phí phản tố theo biên lai số: AA/2017/0006321 ngày 04/6/2020 và 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số: 31AA/2021/0001396 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Số tiền án phí sơ thẩm mà bà T còn phải nộp là 4.292.400 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (04/5/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ